TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 271/2023/DS-ST
Ngày: 28-7-2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Tám

Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Châu Thị Lệ
Bà Trần Thị Thanh vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoa – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thiên - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 01/2023/TLST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2023 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 240/2023/QĐST-DS ngày 16 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 241/2023/QĐST-DS ngày 07 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần Q; địa chỉ trụ sở: Phường B, Quận A, Thành phố H; địa chỉ liên lạc: Phường X, quận T, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Thành N, sinh năm 1989, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, theo Văn bản ủy quyền số 040722.23 ngày 13/4/2023 và số 118371.22 ngày 01/11/2022; địa chỉ liên lạc: Phường X, quận T, Thành phố H; (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Anh T, sinh năm 1976; địa chỉ: Phường X, quận G, Thành phố H; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 11 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Q trình bày:

Ngân hàng Thương mại cổ phần Q và bà Nguyễn Thị Anh T thỏa thuận ký hợp đồng tín dụng số 1292/HĐTD-VIB601/18 ngày 30/7/2018, đính kèm điều khoản và điều kiện cấp tín dụng. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, Ngân hàng Thương mại cổ phần Q cho bà Nguyễn Thị Anh T vay số tiền 680.000.000 đồng; mục đích vay để

thanh toán tiền mua xe ô tô; thời hạn vay 84 tháng kể từ ngày 31/7/2018 đến ngày 30/7/2025; lãi suất tại thời điểm giải ngân là lãi suất ưu đãi 9,39%/năm và chỉ áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản vay, hết thời hạn ưu đãi, lãi suất được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo quy định cộng biên độ 3,99%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, trả gốc và lãi vào ngày 30 hàng tháng, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 30/8/2018, trả phí theo quy định của ngân hàng từng thời kỳ. Thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã giải ngân khoản vay theo đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 1292/KUNN-VIB601/18 ngày 30/7/2018 với số tiền 680.000.000 đồng và bị đơn đã nhận đủ tiền vay.

Ngày 05/6/2019, bà Nguyễn Thị Anh T có đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản. Ngân hàng Thương mại cổ phần Q đã phát hành thẻ tín dụng cho bà Nguyễn Thị Anh T với hạn mức tín dụng 62.000.000 đồng, loại thẻ VIB Cashback, mục đích vay tiêu dùng, lãi suất vay theo quy định của ngân hàng trong từng thời kỳ.

Tài sản bảo đảm: Để bảo đảm cho nghĩa vụ vay, bà Nguyễn Thị Anh T thế chấp cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q 01 chiếc xe ô tô 16 chỗ nhãn hiệu FORD, màu sơn bạc bạch kim, số khung RL3DLT4MFJMR72436, số máy J6P38835DURATORQ4D244L, biển số 51B-266.72, số loại TRANSIT, theo hợp đồng thế chấp số 1292/HĐTC-VIB601/18 ngày 30/7/2018 và phụ lục 1.

Thực hiện hợp đồng, bà Nguyễn Thị Anh T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ vay trên cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q theo hợp đồng tín dụng và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết. Tính đến ngày 28/7/2023, bị đơn mới thanh toán cho nguyên đơn số tiền gốc và lãi là 517.821.331 đồng (trong đó thanh toán tiền gốc là 315.744.000 đồng, thanh toán tiền lãi là 202.077.331 đồng). Nguyên đơn đã nhiều lần nhắc nhở nhưng bị đơn vẫn không thanh toán nợ cho ngân hàng. Nguyên đơn đã chuyển khoản vay thành nợ quá hạn.

Ngân hàng Thương mại cổ phần Q khởi kiện bà Nguyễn Thị Anh T, yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn các khoản nợ tính đến ngày 28/7/2023 theo từng hợp đồng như sau:

- Các khoản nợ theo hợp đồng tín dụng số 1292/HĐTD-VIB601/18 ngày 30/7/2018, cụ thể:

+ Nợ gốc: 364.256.000 đồng
+ Nợ lãi trong hạn: 26.101.851 đồng
+ Nợ lãi quá hạn: 83.304.399 đồng.
Tổng cộng nợ gốc và lãi là: 473.662.250 đồng

Ngoài ra, Ngân hàng Thương mại cổ phần Q yêu cầu bà Nguyễn Thị Anh T phải trả lãi suất phát sinh trên nợ gốc còn nợ kể từ ngày 29/7/2023 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 1292/HĐTD-VIB601/18 ngày 30/7/2018 các bên đã ký kết.

- Các khoản nợ gốc và lãi tính đến ngày 16/11/2022 theo đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 05/6/2019 là 81.323.830 đồng (trong đó: Nợ gốc là 51.964.667 đồng, nợ lãi trong hạn là 29.359.163 đồng); ngoài ra, nguyên đơn còn yêu cầu bị đơn phải trả lãi suất phát sinh trên nợ gốc còn nợ kể từ ngày 17/11/2022 cho đến khi trả hết nợ cho nguyên đơn theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng mà các bên đã ký kết.

Thời hạn thanh toán: Thanh toán một lần ngay sau khi có bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Khoản vay có tài sản bảo đảm nhưng Ngân hàng Thương mại cổ phần Q không yêu cầu giải quyết xử lý tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp số 1292/HĐTC-VIB601/18 ngày 30/7/2018 và phụ lục 1.

Trong quá trình tố tụng, Ngân hàng Thương mại cổ phần Q có đơn đề ngày 14/7/2023 đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với các khoản nợ phát sinh từ đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 05/6/2019 nêu trên, nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết phần nợ này đối với bị đơn nữa.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để triệu tập bà Nguyễn Thị Anh T đến Tòa án để lấy lời khai, tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa xét xử nhưng bà Nguyễn Thị Anh T không đến, do đó Tòa án không lấy lời khai của bà Nguyễn Thị Anh T cũng như không tiến hành hòa giải giữa nguyên đơn và bị đơn được.

Tại phiên tòa xét xử, nguyên đơn có mặt và vẫn giữ yêu cầu khởi kiện đòi các khoản nợ phát sinh từ hợp đồng tín dụng số 1292/HĐTD-VIB601/18 ngày 30/7/2018 và không yêu cầu giải quyết xử lý tài sản bảo đảm, nguyên đơn rút lại yêu cầu khởi kiện đòi các khoản nợ phát sinh từ đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 05/6/2019; bị đơn vắng mặt không có lý do.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp về hợp đồng tín dụng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng người tham gia tố tụng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Q là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Quyền khởi kiện và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bà Nguyễn Thị Anh T có ký hợp đồng tín dụng vay tiền của Ngân hàng Thương mại cổ phần Q. Do bà Nguyễn Thị Anh T không trả tiền đúng hạn nên Ngân hàng Thương mại cổ phần Q khởi kiện.

Tòa án đã xác minh địa chỉ cư trú của bà Nguyễn Thị Anh T tại Công an Phường 16, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, kết quả xác minh bà Nguyễn Thị Anh T có địa chỉ thường trú tại Phường X, quận G, Thành phố H, hiện đã chuyển đi nơi khác không rõ địa chỉ từ năm 2016 đến nay. Phía nguyên đơn không cung cấp được địa chỉ nào khác ngoài địa chỉ thường trú nêu trên được ghi trong hợp đồng. Nguyên đơn không yêu cầu thông báo tìm kiếm bị đơn trên phương tiện thông tin đại chúng. Do đó có cơ sở xác định địa chỉ trên là địa chỉ cư trú cuối cùng của bị đơn. Bà Nguyễn Thị Anh T cư trú tại quận G, Thành phố H nên căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về người tham gia tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa kèm Giấy triệu tập đương sự cho bà Nguyễn Thị Anh T, nhưng tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 227, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Thị Anh T. Đại diện hợp pháp của nguyên đơn có mặt tại phiên tòa.

[2]. Về nội dung:

Quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Nguyễn Thị Anh T và Ngân hàng Thương mại cổ phần Q có thỏa thuận vay tài sản thể hiện trong hợp đồng tín dụng số 1292/HĐTD-VIB601/18 ngày 30/7/2018. Từ đó có đủ căn cứ để xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa hai bên là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Đối với yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần Q, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào hợp đồng tín dụng số 1292/HĐTD-VIB601/18 ngày 30/7/2018 được ký giữa bà Nguyễn Thị Anh T với Ngân hàng Thương mại cổ phần Q cho thấy việc giao kết hợp đồng tín dụng giữa các bên là có thật, nội dung mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng phù hợp với các quy định của pháp luật tại các điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Xét thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 1292/HĐTD-VIB601/18 ngày 30/7/2018, đính kèm điều khoản và điều kiện cấp tín dụng, đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 1292/KUNN-VIB601/18 ngày 30/7/2018 và bảng kê chi tiết các khoản nợ thể hiện bà Nguyễn Thị Anh T có vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần Q số tiền 680.000.000 đồng. Để bảo đảm cho nghĩa vụ vay, bà Nguyễn Thị Anh T thế chấp cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q 01 chiếc xe ô tô 16 chỗ nhãn hiệu FORD, màu sơn bạc bạch kim, số khung RL3DLT4MFJMR72436, số máy J6P38835DURATORQ4D244L, biển số 51B-266.72, số loại TRANSIT, theo hợp đồng thế chấp số 1292/HĐTC-VIB601/18 ngày 30/7/2018 và phụ lục 1. Bị đơn nhận

đủ số tiền vay. Thực hiện hợp đồng, bị đơn không thanh toán tiền nợ cho nguyên đơn như thỏa thuận.

Như vậy, theo nguyên đơn yêu cầu thì bị đơn còn thiếu nguyên đơn tổng cộng nợ gốc và lãi trong hạn, lãi quá hạn tính đến ngày 28/7/2023 theo hợp đồng tín dụng số 1292/HĐTD-VIB601/18 ngày 30/7/2018 là 473.662.250 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 364.256.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 26.101.851 đồng, nợ lãi quá hạn là 83.304.399 đồng. Ngoài ra, bị đơn còn phải trả cho nguyên đơn lãi suất phát sinh trên nợ gốc còn nợ tính từ ngày 29/7/2023 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nêu trên. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả khoản tiền trên làm một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Đến hạn thanh toán, nếu bị đơn không thanh toán đầy đủ số nợ trên thì nguyên đơn yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành toàn bộ khoản nợ trên để thu hồi nợ; nguyên đơn không yêu cầu giải quyết xử lý tài sản bảo đảm là chiếc xe ô tô 16 chỗ nhãn hiệu FORD có biển số biển số 51B-266.72 theo hợp đồng thế chấp số 1292/HĐTC-VIB601/18 ngày 30/7/2018 và phụ lục 1. Nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với các khoản nợ phát sinh từ đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 05/6/2019, nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết phần nợ này đối với bị đơn nữa.

Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã tống đạt Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số 502/2023/QĐ-CCTLCC ngày 15/4/2023 cho bà Nguyễn Thị Anh T, yêu cầu bị đơn cung cấp bản sao toàn bộ tài liệu, chứng cứ về việc ký kết, thực hiện hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp, tài sản thế chấp, quá trình thanh toán nợ, số tiền đã trả, số tiền còn nợ, việc xử lý tài sản thế chấp và những tài liệu, chứng cứ khác có liên quan đến tranh chấp giữa bị đơn với nguyên đơn trong vụ án nhưng bà Nguyễn Thị Anh T không có ý kiến phản hồi cũng như không giao nộp tài liệu, chứng cứ nào khác.

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trình bày của đương sự, xét thời điểm giao kết và thực hiện hợp đồng, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: "*Trường hợp có quy định khác nhau giữa luật này và các luật khác có liên quan về thành lập, tổ chức, hoạt động, kiểm soát đặc biệt, tổ chức lại, giải thể tổ chức tín dụng; việc thành lập, tổ chức, hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng thì áp dụng theo quy định của Luật này*", theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: "*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*". Do vậy, đối với hợp đồng vay mà một bên là tổ chức tín dụng thì lãi suất của hợp đồng vay được thực hiện theo thỏa thuận.

Hội đồng xét xử xét thấy lãi suất của hợp đồng tín dụng số 1292/HĐTD-VIB601/18 ngày 30/7/2018 mà các bên đã ký kết phù hợp với quy định của pháp luật. Do bà Nguyễn Thị Anh T vi phạm nghĩa vụ trả nợ quy định trong hợp đồng gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên Ngân hàng Thương mại cổ phần Q khởi kiện, yêu cầu thu hồi nợ là có cơ sở pháp luật.

Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Q, cần buộc bà Nguyễn Thị Anh T phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q tổng cộng nợ gốc và lãi trong hạn, lãi

quá hạn tính đến ngày 28/7/2023 theo hợp đồng tín dụng số 1292/HĐTD-VIB601/18 ngày 30/7/2018 là 473.662.250 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 364.256.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 26.101.851 đồng, nợ lãi quá hạn là 83.304.399 đồng; kể từ ngày 29/7/2023, bà Nguyễn Thị Anh T vẫn phải tiếp tục trả lãi phát sinh trên nợ gốc còn nợ cho đến ngày bị đơn thanh toán hết nợ vay theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 1292/HĐTD-VIB601/18 ngày 30/7/2018 và khế ước nhận nợ mà các bên đã ký kết; thanh toán một lần ngay sau khi có bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Đến hạn thanh toán, bị đơn chưa trả hết nợ cho nguyên đơn thì nguyên đơn được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành toàn bộ khoản nợ trên để thu hồi nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q.

Đối với tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp số 1292/HĐTC-VIB601/18 ngày 30/7/2018 và phụ lục 1 được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần Q với bà Nguyễn Thị Anh T là chiếc xe ô tô nhãn hiệu FORD, màu sơn bạc bạch kim, số khung RL3DLT4MFJMR72436, số máy J6P38835DURATORQ4D244L, biển số 51B-266.72, số loại TRANSIT để bảo đảm cho khoản nợ vay của bị đơn đối với nguyên đơn. Do Ngân hàng Thương mại cổ phần Q không yêu cầu giải quyết xử lý tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp tài sản nêu trên, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định *"Đương sự có quyền quyết định việc khởi kiện, yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ việc dân sự. Tòa án chỉ giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó",* khoản 2 Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định *"Trong quá trình giải quyết vụ việc dân sự, đương sự có quyền chấm dứt, thay đổi yêu cầu của mình…"* nên Hội đồng xét xử không xét. Sau này, nếu các đương sự có yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm thì được quyền khởi kiện thành vụ án khác.

Xét trong quá trình tố tụng, nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với các khoản nợ phát sinh từ đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 05/6/2019, nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết phần nợ này đối với bị đơn nữa. Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: *"Trường hợp có đương sự rút một phần hoặc toàn bộ yêu cầu của mình và việc rút yêu cầu của họ là tự nguyện thì Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu hoặc toàn bộ yêu cầu đương sự đã rút"*. Nhận thấy việc nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện trên là hoàn toàn tự nguyện và không trái với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận việc rút một phần yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần Q và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này của nguyên đơn.

Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Luật phí, lệ phí năm 2015, yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần Q được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với khoản nợ mà bà Nguyễn Thị Anh T phải trả cho nguyên đơn. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 150 Điều 177, Điều 180, Điều 203, Điều 217, Điều 218, Điều 219, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 244, Điều 266, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 292, Điều 317, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Luật phí, lệ phí và Điều 48 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Q.

- Buộc bà Nguyễn Thị Anh T phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 28/7/2023 theo hợp đồng tín dụng số số 1292/HĐTD-VIB601/18 ngày 30/7/2018 là 473.662.250 (Bốn trăm bảy mươi ba triệu sáu trăm sáu mươi hai nghìn hai trăm năm mươi) đồng, trong đó nợ gốc là 364.256.000 (Ba trăm sáu mươi bốn triệu hai trăm năm mươi sáu nghìn) đồng, nợ lãi trong hạn là 26.101.851 (Hai mươi sáu triệu một trăm linh một nghìn tám trăm năm mươi mốt) đồng, nợ lãi quá hạn là 83.304.399 (Tám mươi ba triệu ba trăm linh bốn nghìn ba trăm chín mươi chín) đồng.

Kể từ ngày 29/7/2023, bà Nguyễn Thị Anh T vẫn phải tiếp tục trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q tiền lãi phát sinh trên nợ gốc còn nợ cho đến ngày bà Nguyễn Thị Anh T trả hết nợ vay theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số số 1292/HĐTD-VIB601/18 ngày 30/7/2018 và khế ước nhận nợ các bên đã ký.

Thời hạn thanh toán: Thanh toán một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Đến hạn thanh toán trên mà bà Nguyễn Thị Anh T chưa thanh toán hết nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Q được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành toàn bộ số tiền còn nợ để thu hồi nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q.

2- Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần Q về việc buộc bà Nguyễn Thị Anh T trả các khoản nợ phát sinh từ đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 05/6/2019.

3- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Anh T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 22.946.490 (Hai mươi hai triệu chín trăm bốn mươi sáu nghìn bốn trăm chín mươi) đồng đối với khoản nợ mà bà Nguyễn Thị Anh T phải trả là 473.662.250 (Bốn trăm bảy mươi ba triệu sáu trăm sáu mươi hai nghìn hai trăm năm mươi) đồng.

Ngân hàng Thương mại cổ phần Q được nhận lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 11.859.942 (Mười một triệu tám trăm năm mươi chín nghìn chín trăm bốn mươi hai) đồng theo biên lai thu số AA/2022/0012434 ngày 03 tháng 01 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

4- Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo các quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Q có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn bà Nguyễn Thị Anh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát ND quận Gò Vấp;
- Thi hành án DS quận Gò Vấp;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS (Hoa).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Tám